

Vĩnh Linh, ngày 18 tháng 10 năm 2016

Số: 08 /KH-BCĐ

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/08/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13, ngày 12/11/2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư từ các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg, ngày 05/04/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới;

Căn cứ kết quả thực tế sau 5 năm thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới và khả năng huy động nguồn lực thực hiện Chương trình; UBND huyện xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2016 - 2020 như sau:

1. Mục tiêu và các chỉ tiêu kế hoạch Chương trình giai đoạn 2016 – 2020

Mục tiêu tổng quát

- Nâng cao số lượng, chất lượng từng tiêu chí nông thôn mới của các xã trên địa bàn huyện để đảm bảo thực hiện đúng lộ trình xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch được phê duyệt.

- Phân đấu huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

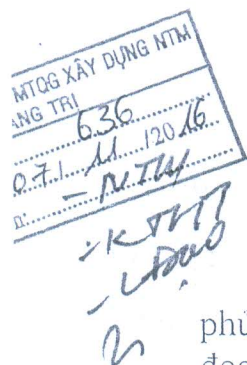
Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kế hoạch lộ trình đạt chuẩn các tiêu chí các xã

Toàn huyện có 19 xã, tính đến 5/2016 đã có 7 xã được UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới. Có 3 xã miền núi đó là Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà; đây là 3 xã có tính chất đặc thù riêng nên phân đấu đến năm 2018 huyện không còn xã dưới 10 tiêu chí, 19/19 xã đạt tiêu chí thu nhập cụ thể như sau:

- Năm 2016 UBND huyện đã đăng ký cam kết có 4 xã đạt chuẩn nông thôn mới (gồm: Vĩnh Tú, Vĩnh Tân, Vĩnh Trung, Vĩnh Hòa).

- Năm 2017: Phân đấu 2-3 xã đạt chuẩn nông thôn mới (gồm: Vĩnh Sơn, Vĩnh Giang, Vĩnh Long), nâng tổng số xã đạt chuẩn lên 13-14 xã.



- Năm 2018: Phân đầu 2 xã đạt chuẩn (gồm: Vĩnh Thái, Vĩnh Cháp), huyện đạt chuẩn nông thôn mới, không còn xã đạt dưới 10 tiêu chí.

(có Biểu số 01 kèm theo)

1.2.2. Kế hoạch lộ trình đạt chuẩn của 9 tiêu chí cấp huyện

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ V/v Ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, để huyện được công nhận là huyện đạt chuẩn thì phải đảm bảo:

- Có 100% số xã trong huyện đạt chuẩn nông thôn mới: Hiện nay, huyện Vĩnh Linh đã có 7 xã/19 xã đạt chuẩn, đạt 36,84%.

- Có tất cả các tiêu chí sau đạt chuẩn theo quy định:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Hiện trạng của huyện
1	Quy hoạch	Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt	Đạt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%	57,87%
3	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt	Đạt
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống	Đạt	Chưa đạt
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia	Đạt	Đạt
		5.2. Trung tâm văn hóa - thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả	Đạt	Đạt
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn	≥ 60%	25%
6	Sản xuất	Hình thành vùng SXNN hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện.	Đạt	Chưa đạt

7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn	Đạt	Chưa đạt
		7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường	100%	50%
8	An ninh, trật tự XH	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội	Đạt	Đạt
9	Chỉ đạo xây dựng NTM	9.1. BCĐ Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng NTM cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt	Đạt
		9.2. VPĐP Chương trình NTM cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt	Đạt

Như vậy, huyện Vĩnh Linh đã đạt 4/9 tiêu chí chiếm tỷ lệ 44,44% và 09/14 nội dung tiêu chí, chiếm tỷ lệ 64,29%.

Căn cứ vào tình hình thực tế của từng tiêu chí, khả năng cân đối nguồn lực, UBND huyện đã xây dựng lộ trình đạt chuẩn cho các tiêu chí còn lại như sau:

Bảng: Lộ trình đạt chuẩn đối với các tiêu chí cấp huyện

STT	Tiêu chí chưa đạt chuẩn đến 6/2016	Lộ trình thực hiện các tiêu chí		
		2016	2017	2018
1.	Giao thông			x
2	Điện	x		
3	Y tế - Văn hóa – Giáo dục		x	
4	Sản xuất			x
5	Môi trường			x
-	Hệ thống thu gom, xử lý chất rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn		x	
-	Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường			x

2. Kinh phí thực hiện

2.1. Nhu cầu kinh phí đối với các xã để đạt chuẩn nông thôn mới

Tổng nhu cầu kinh phí để 12 xã đạt chuẩn là: 479.783.990.000 VND

Trong đó:

- Ngân sách TW, tỉnh: 278.130.070.000 VND
- Ngân sách huyện: 48.260.600.000 VND

- Ngân sách xã: 7.777.000.000 VND
- Vốn lồng ghép các chương trình, dự án: 69.015.000.000 VND
- Vốn DN, HTX: 21.548.930.000 VND
- Vốn huy động dân: 46.552.390.000 VND
- Vốn khác: 500.000.000 VND

(có Biểu số 02 chi tiết kèm theo)

2.2. Nhu cầu kinh phí đối với 9 tiêu chí của huyện

Tổng nhu cầu kinh phí để các tiêu chí của huyện đạt chuẩn là: 413.500.000.000 VND

Trong đó:

- Ngân sách TW, tỉnh: 407.000.000.000 VND
- Ngân sách huyện: 2.000.000.000 VND
- Vốn lồng ghép các chương trình, dự án: 200.000.000 VND
- Vốn DN, HTX: 2.100.000.000 VND
- Vốn huy động dân: 2.200.000.000 VND

(có Biểu số 03 chi tiết kèm theo)

3. Giải pháp, kiến nghị, đề xuất

Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt các giải pháp đã đề ra trong các quy hoạch, kế hoạch xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt, trong đó bổ sung, nhấn mạnh một số giải pháp sau:

- **Tiếp tục đẩy mạnh, đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền** về các nội dung của Chương trình, trong đó: Tập trung tuyên truyền sâu rộng cơ chế, chính sách mới, về mô hình phát triển sản xuất, môi trường; tuyên truyền điển hình trong cách làm hay, kinh nghiệm tốt; gắn tuyên truyền với cuộc vận động "Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới".

- **Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị** tham gia vào Chương trình; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới các cấp; tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng,

chính quyền các cấp; phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể nhân dân các cấp; tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc tham gia thực hiện Chương trình.

UBND huyện, thành viên Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình theo địa bàn và lĩnh vực được phân công; phát hiện và tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc ở cơ sở cũng như chấn chỉnh những tổ chức, cá nhân thiếu tinh thần trách nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- **Tiếp tục chỉ đạo nâng cao số lượng, chất lượng các tiêu chí** xây dựng nông thôn mới hàng năm của từng xã. Đối với các tiêu chí đã đạt chuẩn, các xã đã đạt và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới phải tiếp tục chỉ đạo để đạt được chất lượng ở mức cao hơn, trong đó yêu cầu không được để tụt giảm chỉ tiêu, tiêu chí đã đạt chuẩn.

- **Tiếp tục huy động, lồng ghép, bố trí nguồn lực cho Chương trình** theo hướng xã hội hóa nguồn lực; huy động nguồn lực tại chỗ, trọng dân là chính (phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới), nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí; đồng thời làm tốt công tác vận động các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn và những người con của quê hương sống, công tác ở xa quê hương đóng góp, cùng chung tay xây dựng nông thôn mới. Rà soát quy hoạch sử dụng đất, tạo quỹ đất bán đấu giá để tăng nguồn vốn đầu tư cho Chương trình. Tập trung đầu tư ưu tiên trước cho những công trình mang ý nghĩa, lợi ích cộng đồng cao; chú trọng đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân.

- **Đẩy mạnh phân cấp đầu tư, khuyến khích giao cho cộng đồng** dân cư hưởng lợi tự thực hiện các công trình có quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản theo cơ chế đầu tư đặc thù (Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ) để vừa nâng cao được ý thức, trách nhiệm xây dựng quê hương, vừa nâng cao thu nhập, tạo việc làm, nâng cao trình độ quản lý cho cộng đồng dân cư, tạo sự hứng khởi và đồng thuận trong việc thực hiện các nội dung của Chương trình.

Để kế hoạch được triển khai theo đúng lộ trình, UBND huyện Vĩnh Linh đề nghị UBND tỉnh, Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư một số vấn đề sau:

- Phân bổ vốn kịp thời các nguồn vốn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới để đảm bảo tiến độ triển khai thực hiện tiêu chí của các xã và đảm bảo kế hoạch chung của huyện.

- Đối với nguồn vốn Phát triển sản xuất: Đề nghị UBND tỉnh giao nguồn vốn này cho UBND xã làm chủ đầu tư theo các văn bản đã quy định. Bên cạnh đó, giao cho UBND các huyện trên cơ sở quy hoạch vùng sản xuất của huyện, chủ động chọn đề hướng dẫn xây dựng các mô hình phát triển sản xuất điểm, không nhất thiết phải cố định tập trung vào 1 xã nào đó.

- Căn cứ theo Công văn số 2325/UBND-NN ngày 20/6/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc chọn huyện tập trung chỉ đạo đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, huyện Vĩnh Linh là 1 trong 2 huyện được chọn để tập trung chỉ đạo, phấn đấu đạt chuẩn huyện nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Tuy nhiên, hiện nay chưa có sự ưu tiên, hỗ trợ về văn bản cũng như nguồn vốn để triển khai thực hiện. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh có cơ chế hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các huyện phấn đấu đạt chuẩn huyện nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. /s. *Lq*

Nơi nhận:

- Sở NN và PTNT;
- Ban CĐXDNTM tỉnh; (B/c)
- TT HU, HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ huyện;
- Các tổ chức, đoàn thể huyện;
- Các Cơ quan, đơn vị;
UBND các xã;
- Lưu: VT, VPĐPXDNTM huyện

TRƯỞNG BAN

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Trần Hữu Hùng

Phụ lục xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020
(kèm theo Công văn số 1147/SNN-NTM ngày 10/10/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Biểu số 01

1.1. Mục tiêu chung

TT	Mục tiêu	ĐVT	Giai đoạn 2016-2020				
			2016	2017	2018	2019	2020
1	Huyện đạt chuẩn (nếu có)	Năm					x
2	Số xã đạt chuẩn tăng thêm	xã	4	3	2	0	3
3	Tổng số xã đạt chuẩn	Xã	11	14	16	16	19
4	Tiêu chí bình quân/xã	Tiêu chí	16,37	17,47	18,16	18,47	19
5	Thu nhập bình quân đầu người ở khu vực nông thôn	Tr.đ/người/năm	40	45	50	55	60
6	Tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn	%	10	8	6	4	2

1.2. Mục tiêu các xã đạt chuẩn theo từng năm

TT	Tên xã	Năm dự kiến đạt chuẩn				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Vĩnh Hòa	x				
2	Vĩnh Tú	x				
3	Vĩnh Trung	x				
4	Vĩnh Tân	x				
5	Vĩnh Long		x			
6	Vĩnh Giang		x			
7	Vĩnh Sơn		x			
8	Vĩnh Cháp			x		
9	Vĩnh Thái			x		
10	Vĩnh Ổ					x
11	Vĩnh Khê					x
12	Vĩnh Hà					x

Biểu số 2: TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG VÀ NHU CẦU ĐẦU TƯ ĐẠT CHUẨN
(ĐVT: Triệu đồng)

Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2016 - 2020														
STT	UBND xã	Tiêu chí chưa đạt	Khối lượng (Nêu cụ thể đến từng chỉ tiêu)	Tổng kinh phí (Tr.d)	Trong đó					Vốn tín dụng khác	Huy động doanh nghiệp, HTX	Vốn huy động dân	Vốn khác	
					Ngân sách trực tiếp			Lồng ghép các CT,DA khác	Vốn					
					NS (TW,Tỉnh)	NS huyện	NS xã							
			Tổng	479,783.99	278,130.07	48,260.60	7,777	69,015.00		21,548.93	46,552.39	500.00		
I	Vĩnh Trung	còn 5 tiêu chí chưa đạt: giao thông, thủy lợi, trường học, chợ, hộ nghèo		38,426	6,893	1,890	-	18,705		-	2,738	-		
	1	Giao thông	Kiến cổ hóa 11.5km	26,726	513	770	-	18,705			1,283			
	-	Đường liên xã	Kiến cổ hóa 3km	18,533	513	770					1,455			
	-	Đường trục thôn	Đường trục chính nội đồng	2,738							4,000			
	-	Đường trục chính nội đồng	Cứng hóa 39,7km	5,455										
	2	Thủy lợi (kênh mương)	Kiến cổ hóa 8km	8,200	2,880	1,120	-	-		4,200	-			
	3	Trường học		2,500	2,500	-	-			4,200				
II	-	Trường THCS, Tiểu học	Xây mới 8 phòng học	-										
	-	Trường mầm non	Xây mới 6 phòng học	2,500	2,500									
	4	Chợ	Nâng cấp chợ	1,000	1,000									
	Vĩnh Tân	Còn 5 tiêu chí Chưa đạt: Giao thông, thủy lợi, trường học, chợ, hộ nghèo		22,785	14,538	-	-	-		-	8,247	-		
	1	Giao thông		18,585	12,038	-	-	-		-	6,547	-		
	-	Đường liên thôn	Kiến cổ hóa 9,8km	6,864	6,178						686			
	-	Đường trục chính nội thôn	5,4km	2,443	1,222						1,222			
III	-	Đường ngõ xóm	Đường trục chính nội thôn	9,278	4,639						4,639			
	2	Thủy lợi	Đường ngõ xóm	4,200	2,500	-	-	-		-	1,700	-		
	-	Kênh mương	3,4km	3,400	1,700						1,700			
	-	Công trình thủy lợi	Cải tạo nâng cấp hồ, đập	800	800									
	Vĩnh Tú	Còn 5 tiêu chí Chưa đạt: giao thông, thủy lợi, trường học, hộ nghèo, mỗi trường		14,600	9,050	1,500	-	-		1,500	2,550	-		
	1	Giao thông		5,100	2,550	-	-	-		-	2,550	-		
	-	Đường nội thôn	Kiến cổ hóa 3,58 km	2,150	1,075						1,075			
IV	-	Đường liên thôn	Nâng cấp mở rộng	700	350						350			
	-	Đường nội đồng	Cứng hóa 4,5km	2,250	1,125						1,125			
	2	Thủy lợi (kênh mương)	kiến cổ hóa 3km	3,000	1,500					1,500				
	3	Trường học		6,500	5,000	1,500	-	-		-	-			
V			XĐ phòng chức năng, tu sửa mái lợp, sân thể dục, mua sắm trang thiết bị trường THCS	3,000	3,000									
			Nâng cấp trường Mầm non (tường rào sân, vườn cỏ tích, trang thiết bị vui chơi)	3,500	2,000	1,500								
VI	Vĩnh Hòa	Còn 5 tiêu chí Chưa đạt: thủy lợi, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, hộ nghèo		22,600	6,400	4,800	200	10,000		-	1,200	200		
	1	Thủy lợi		10,000	-	-	-	10,000		-	-			

[illegible]

		Giao thông	9,4 km (thôn Tân Thuận, Tân Hòa, Thự Luật, Thái Lai, Mạch Nước, Đồng Luật)	14.376,00	11.500,8	0	0	0	0	0	0	0	2875,2	
		Đường bê tông nội thôn	16,51km (Thôn: Tân Hòa, Đồng Luật, Thự Luật, Tân Mạch, Thái Lai, Mạch Nước)	13.246,00	10596,8	0	0	0	0	0	0	0	2649,2	
		Đường nội đồng thôn	Vĩnh Kim-Vĩnh Thái 3,5 km	8.000,00	6.400,00	0	0	0	0	0	0	0	1.600,00	
		Đường liên xã	1,2 km	3.400,00	2.720,00	0	0	0	0	0	0	0	680,00	
		Nâng cấp đường trục xã, liên xã												
	2	Thủy lợi												
		Kiến cổ hóa kênh mương	1km	2.000,00	1.600,00	0	0	0	0	0	0	0	400,00	
		Nạo vét kênh mương	0,3 km	5,00	4,00	0	0	0	0	0	0	0	1,00	
	3	Trường học												
		Trường THCS Vĩnh Thái												
		Phòng làm việc của 3 tổ chuyên môn	3 phòng	750,00	600,00	0	0	0	0	0	0	0	150,00	
		Phòng báo vệ	1 phòng	100,00	80,00	0	0	0	0	0	0	0	20,00	
		Khu vệ sinh		150,00	120,00	0	0	0	0	0	0	0	30,00	
		Trường TH Vĩnh Thái				0	0	0	0	0	0	0		
		Nhà học hai tầng (Điểm trường Đồng Luật)	8 phòng	3.500,00	2.800,00	0	0	0	0	0	0	0	700,00	
		Nhà báo vệ (Điểm trường Đồng Luật)	1 phòng	100,00	80,00	0	0	0	0	0	0	0	20,00	
		Nhà báo vệ (Điểm trường Thái Lai)	1 phòng	100,00	80,00	0	0	0	0	0	0	0	20,00	
	4	Chợ												
		Chợ Thái Lai	1 chợ	1.000,00	800,00	0	0	0	0	0	0	0	200,00	
	5	Môi trường												
		Xây dựng điểm thu gom rác ở đồng ruộng thôn Thự Luật	1 điểm	300,00	240,00	0	0	0	0	0	0	0	60,00	
		Cải tạo khu nghĩa trang ở 7 thôn	7 điểm	700,00	560,00	0	0	0	0	0	0	0	140,00	
		còn 5 tiêu chí chưa đạt: giao thông, thủy lợi, Hộ nghèo, y tế, môi trường		11.682	3,000	5,600	1,312	0	0	0	0	0	1,770	0
XI	Vĩnh Sơn	Giao thông												
	1	Đường liên thôn	Phan Hiền đi Huỳnh Xã Hạ 1,5km	1.500		1.350	150						500	
		Đường nội thôn	1km tại thôn Tiên An	1.000		500								
		Đường nội thôn	0,5km đường bê tông nội thôn Nam Sơn	500		250							250	
		Đường nội thôn	0,7km đường bê tông nội thôn Lê Xã	700		350							350	
		Đường nội thôn	0,6km đường bê tông nội thôn Dục Đức	600		300							300	
		Đường nội thôn	0,5km đường bê tông nội thôn Tây Sơn	500		250							250	
	2	Trường học												
		Trường THCS		1.020		900							120	
	3	XD trụ sở UBND xã		3.862	2.000	1.000	862							
	4	Khuyến viên hàng rào và sân văn hóa xã		2.000	1.000	700	300							
		còn 14 tiêu chí chưa đạt: giao thông, thủy lợi, điện, trường học, bưu điện, nhà ở, thu nhập, hộ nghèo, là có việc làm thường xuyên, tổ chức sản xuất, giáo dục, y tế, văn hóa, môi trường												
XII	Vĩnh Ô	Giao thông		70.060,60	46.490,00	23.570,60	0	0	0	0	0	0	0	0
	1	Bé tông hóa		43.900,00	20.730,00	13.130,00							3.000	5.040
	2	Thủy lợi		17.300,00	12.110,00	5.190,00								

3	Trường	Xây mới nhà học 2 tầng 8 phòng, nhà ở giáo viên	15,300.00	10,710.00	4,590.00						
4	CSVCH	Xây mới nhà cộng đồng bản 8	2,000.00	1,400.00	0.60						
5	Bưu điện	Xây mới 1 bưu điện	900.00	630.00	270.00						
6	Y tế	Mua sắm trang thiết bị	1,300.00	910.00	390.00						

Biểu số: 03 TÔNG HỢP HIỆN TRẠNG VÀ NHU CẦU ĐẦU TƯ ĐẠT CHUẨN (Biểu dành cho cấp huyện)
(ĐVT: Triệu đồng)

Nhu cầu đầu tư đạt chuẩn													
STT	Tiêu chí huyện nông thôn mới đạt đến tháng 6/2016	Tiêu chí chưa đạt (Nêu cụ thể khối lượng chưa đạt của từng tiêu chí và chỉ tiêu)	Khối lượng (Nêu cụ thể đến từng chỉ tiêu)	Tổng kinh phí (Tr.đ)	Trong đó								
					Ngân sách trực tiếp			Lồng ghép các CT,DA khác	Vốn tín dụng	Huy động doanh nghiệp, HTX	Vốn huy động dân	Vốn khác	
					NS (TW, Tỉnh)	NS huyện	NS xã						
			Tổng	413,500	407,000	2,000		200		2,100	2,200		
1		2. Giao thông	107km đường nhựa hóa	321,000	321,000								
2		4. Điện	đường dây hạ áp 20km	20,000	20,000								
3		5. Y tế-Văn hóa-Giáo dục											
		Giáo dục		24,000	24,000	0	0	0	0	0	0	0	0
		Trường THPT Bến Quan	8 phòng học, 2 phòng làm việc	5,000	5,000								
		Trường THPT Cửa Tùng	6 phòng học, 1 hội trường	19,000	19,000								
4		7. Môi trường		48,500	42,000	2,000		200		2,100	2,200		
		-	Xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn	35,000	35,000								
		-	Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý chất thải trong chăn nuôi	5,000	3,000	1,000		200		100	200		
			XD hệ thống xử lý nước thải trong nuôi trồng thủy hải sản	6,000	2,000					2,000	2,000		
			XD hệ thống xử lý nước thải tập trung tại cụm công nghiệp Cửa Tùng	3,000	2,000	1,000							